



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV.# \_\_\_\_\_  
VEWL.# \_\_\_\_\_  
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lô Đinh hê  
Last Middle First

Current Address: 329 L6 J, C/C Nguyen Thien Thuat, P1, Q3, HCM

Date of Birth: 11/27/42 Place of Birth: Nghi An

Previous Occupation (before 1975) 1 LT  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/27/75 To 11/15/80  
Years: 5 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: \_\_\_\_\_ Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Last

Middle

First

Current Address:

Date of Birth:

Place of Birth:

Previous Occupation (before 1975)  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From

To

Years:

Months:

Days:

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỒI NỘI VỤ

Trại : TÂN HIỆP

Số : 949/GRT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu số 001

QLTG Ban Hành  
theo Công Văn  
số 2565 ngày  
21/11/1972.

Số :

(( 7 I Ấ Y R A T R A I

- Theo Thông tư số 966/BCA/TT ngày 21-05-1961 của Bộ Nội Vụ.
- Thi hành án văn Quyết định tha số : 152 ngày 30 tháng 10 năm 1980 của Bộ Nội Vụ .

Nay cấp giấy tha cho Anh chị có tên sau đây :

Họ, và tên khai sinh : LÊ ĐÌNH LỄ

Họ, tên thường gọi :

Họ, tên í danh :

Sinh ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 1942

Nơi sinh : Vĩnh Long ( Nghệ An )

Nơi đăng ký, nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt :

Số 329 Lô J Nguyễn Thiện Thuật Saigon 3.

Cán tội : Trung Úy Phòng Quản Trị

Bị bắt ngày : Tháng 06 năm 1975, án phạt : T. T. C. T.

Theo Quyết định, Án văn số : \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Đã bị tăng án \_\_\_\_\_ lần \_\_\_\_\_ Công thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Đã được giảm án \_\_\_\_\_ lần \_\_\_\_\_ Công thành \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại : số 329 lô J Nguyễn Thiện Thuật TP/Hồ-Chí-Minh.

NHÂN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

( Quản chế 12 tháng )

Lấn tay ngón trỏ phải

Của LÊ ĐÌNH LỄ

Danh bản số 6711

Lập tại TÂN HIỆP.

( đã lấn tay )

Họ tên chữ ký

Người được cấp giấy

( đã ký tên )

LÊ ĐÌNH LỄ

Ngày 15 tháng 11 năm 80

GIÁM THI

( đã ký tên và đóng dấu )

PHẠM NGỌC DƯƠNG.

Số 736 /SY/P1

CHUNG HÂN GIỚI Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 1-Q.3

Ngày 16 tháng 7 năm 1983

UBND Phường 1-Q.3

CHỖ CHỮ TÍCH



Nguyễn Thị Ngọc Tâm

BO NOI VU

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM

Mẫu số 001

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QLTG, ban hành

Theo công văn

số 2565 ngày

21 tháng 11/72

Số:

1 1 1 1 1 1

X GIẤY RA TAY

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ nội Vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số: 108 ngày 20 tháng 11

năm 1972 của Ủy ban nhân dân

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Đình Lê

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1948

Nơi sinh Tỉnh Long (Nghệ An)

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 829 Lũy: Nguyễn

Thị trấn Thuận Hải

Can tội: Không quy định quốc gia

Bị bắt ngày 1/1/72 Án phạt 1 năm

Theo quyết định, án văn số Ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 829 Lũy Nguyễn Thị trấn Thuận Hải

Nhận xét quá trình cải tạo

Lăn tay ngón trở phải

Của Lê Đình Lê

Danh bản số 829

Lập tại Tầm 1972

Ho tên chữ ký  
Người được cấp giấy

hành  
Lê Đình Lê

11/ ngày 15 tháng 11 năm 1972  
Gián thị

Nguyễn Thị trấn Thuận Hải

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CAU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Date : \_\_\_\_\_  
Ngày : \_\_\_\_\_

ODP IV # \_\_\_\_\_

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt : Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

131 Soi Tien Siang  
Sathorn Tai Road  
Bangkok Thailand  
10120

**A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản**

1. Name  
Họ, tên : LÊ ĐÌNH LÊ Sex; Male  
Phái: Male
2. Other Names  
Họ, tên khác : NO
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi sinh : 27-NOVEMBER 1942 NGHE AN PROV. VIETNAM
4. Residence Address,  
Địa chỉ thường trú : 329 LỘ T CHUNG CƯ NGUYỄN THIÊN THUẬT, HỒ CHÍ MINH CITY - VIETNAM
5. Mailing Address  
Địa chỉ thư tu : 329 LỘ T Chung cư NGUYỄN THIÊN THUẬT, HỒ CHÍ MINH CITY VIETNAM
6. Current Occupation  
Nghề nghiệp hiện tại : BREEDER

**B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

( NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows; Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S). )

( Chú ý : Vợ/Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M); đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S). )

| Name<br>Họ, tên         | Date of birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên hệ GD |
|-------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------|
| 1. NGUYỄN THỊ BẠCH NHÀN | 13 DEC. 1946                         | THUẬN THIÊN                | Female      | MARRIED                   | WIFE                       |
| 2. LÊ THỊ KHÁNH DUNG    | 1 MAY 1970                           | PHAN THIẾT                 | Female      | S                         | DAUGHTER                   |
| 3. LÊ ĐĂNG QUANG        | 1 MAY 1972                           | PHAN THIẾT                 | Male        | S                         | Son                        |
| 4. LÊ ĐĂNG KHOA         | 11 SEPT. 1974                        | PHAN THIẾT                 | Male        | S                         | Son                        |
| 5.                      |                                      |                            |             |                           |                            |

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards ( if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

( CHÚ Ý : Cho mọi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

: Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

Họ, tên

CÁC-HỮU-TRÍ  
VÕ-THỊ-HOÀNG

b. Relationship

Lien hệ gia đình

- NEPHEW

- NIECE

c. Address

Địa chỉ

d. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

1975

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Lien hệ gia đình

D. Complete Family Listing ( Living/Dead)/Danh Sách Toàn Thể Gia Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: LÊ-ĐÌNH-SỸ (DEAD)

2. Mother

Mẹ

: DẶNG-THỊ-BÀO (DEAD)

3. Spouse

Vợ/Chồng

: NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHÂN 329 lô 5 chung cư Nguyễn Thiện Thuật  
Hố Chí Minh City

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có) :

5. Children

Con cái :

(1) LÊ-THỊ-KHÁNH-DUNG 329 lô 5 chung cư Nguyễn Thiện Thuật  
Hố Chí Minh City

(2) LÊ-ĐĂNG-QUANG II

(3) LÊ-ĐĂNG-KHOA

(4)

(5)

6. Siblings

Anh chị em :

(1) LÊ-ĐÌNH-DANH BÌNH GIÃ CHÂU THÀNH, ĐÔNG NAI

(2) LÊ-THỊ-MIỀN II

(3)

(4)

(5)



(7) \_\_\_\_\_

(8) \_\_\_\_\_

(9) \_\_\_\_\_

E. Employment by U.S. Government Agency or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho Công Sở của Chính Phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ Nhân Viên : LÊ-DINH-LÊ

Position title  
Chức vụ : INTERPRETER

Agency/Company/Office  
Sở/Hàng/Văn Phòng : PSD/TELECOM CORDS REGION III, BIÊN HÒA.

Length of Employment  
Thời gian làm việc From : 1965 To : 15 JUNE 1968  
Tu : Toi :

Name of American Supervisor  
Tên họ Giám Thị Mỹ : MR. HAYES (operation officer) - HENRY PETERSON  
HENRY B. BRYAN, JOSEPH L. SEARS, MC. CUEN (Tel. Team chief)

Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : REPORTED FOR MILITARY SERVICE

2. Employee Name  
Tên họ Nhân Viên : \_\_\_\_\_

Position title  
Chức Vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office  
Sở/Hàng/Văn Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment  
Thời gian làm việc From : \_\_\_\_\_ To : \_\_\_\_\_  
Tu : Toi :

Name of American Supervisor  
Tên họ Giám Thị Mỹ : \_\_\_\_\_

Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name  
Tên họ Nhân Viên : \_\_\_\_\_

Position title  
Chức Vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office  
Sở/Hàng/Văn Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment  
Thời gian làm việc From : \_\_\_\_\_ To : \_\_\_\_\_  
Tu : Toi :

Name of American Supervisor  
Tên họ Giám Thị Mỹ : \_\_\_\_\_

Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service With GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham gia : LÊ-DINH-LÊ Military Service Number: 62/112372

2. Dates :  
Ngày, tháng, năm From : 15 JUNE 1968 To : 30 APRIL 1975  
Tu : Toi :

3. Last Rank / Cấp bậc cuối cùng : 1st LIEUTENANT Serial Number : MILITARY SERVICE Bo thể nhận viên: NUMBER 62/112.372
4. Ministry/Office/Military Unit / Bộ/Sở/Đơn Vị Binh Chung : GENERAL ADJUTANT OFFICE, BINH THUAN SECTOR
5. Name of Supervisor/C.O. / Họ tên người Giám Thi/Sĩ Quan Chỉ Huy : MAJOR NGUYỄN VĂN MÃNG, OFFICE CHIEF.  
COLONEL NGÔ TẤN NGHĨA, SECTOR COMMANDER
6. Reason for Separation / Lý do nghỉ việc : Evacuated to Vũng Tàu on 18 April 1975.  
RVN Government FELL ON 30 April 1975
7. Names of American Advisor (s) / Họ tên cố vấn Mỹ : DO NOT REMEMBER.
8. U.S. Training Courses in Viet Nam / Chương Trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam : NO
9. U.S. Awards or Certificates / Name of award : / Ngày nhận :  
Phân thưởng hoặc giấy khen : / Ngày nhận :

( NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available . Available ? Yes \_\_\_ No \_\_\_ )

( CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng , giấy ban khen , hoặc chứng thu nếu có . Dương sự có không ? Có \_\_\_ không \_\_\_ )

G. Training Outside Viet Nam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã huấn luyện ở Ngoại Quốc .

1. Name of Student/Trainee / Họ tên Sinh Viên/người được huấn luyện : \_\_\_\_\_
2. School and School Address / Trường và địa chỉ Nhà trường : \_\_\_\_\_
3. Dates : / From : / To :  
Ngày, tháng, năm / Từ : / Đến : \_\_\_\_\_
4. Description of Courses / Mô tả Ngành học : \_\_\_\_\_
5. Who paid for training ? / Ai đài thọ chương trình huấn luyện ? : \_\_\_\_\_

( NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available, Available ? Yes \_\_\_ No \_\_\_ )  
( CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng , hoặc chỉ thị nếu có . Bạn có hay không ? Có \_\_\_ Không \_\_\_ )

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation / Họ tên người đi học tập cải tạo : LÊ ĐÌNH LÊ
2. Time in Reeducation : / From : / To :  
Thời gian học tập / Từ : JUNE 1975 / Đến : 15 NOVEMBER 1980
3. Still in Reeducation? / Yes / No  
Vẫn còn học tập cải tạo ? Có \_\_\_ Không \_\_\_

\*( if released , we must have a copy of your release certificate . )

\*( Nếu được thả , chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại . )

I. Any Additional Remarks ?/Quộc chú phụ thuộc : Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act, I wish to request your assistance and intervention with the Government of the Republic Socialist of VIETNAM in order that my Family and I may be authorized to leave VIETNAM under your arrangement and protection and under ODP to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life.

Signature / Ky tên : \_\_\_\_\_ Date / Ngày : 8 NOVEMBER 1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire : A copy of released certificate  
Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 5 copies of Birth certificate - 1 copy of Marriage Certificate - 5 photos .

Houston ngày 6 - 11 - 89

Kính gửi bà Khúc Minh Thò.

Thưa bà; hôm nay tôi đọc tờ báo chứng-nhân do người bạn cho, được biết hội của bà đã giúp đỡ cho một số tù nhân cải-tạo được xuất ngoại, Tôi với kính ít dòng bước thăm bà và quý hội, sau nhớ bà và quý-hội vui lòng giúp đỡ cho gia đình ông cậu tôi được hưởng trong chương trình giúp đỡ của hội.

Thưa bà, tôi có người cậu là quân nhân đã bị đi cải tạo 5 năm, sau khi được mãn tù, cậu tôi có nhớ tôi báo lãnh đoàn tụ và tôi đã nhớ người làm giấy và gởi đi từ hồi 1984 nhưng mãi tới nay chẳng nghe tin tức gì, tôi là người đàn bà ít chữ, tiếng anh không biết nên chẳng biết hỏi ở đâu, nay nhớ có người bạn cho tờ báo và họ cũng cho biết một số tù cải tạo sắp được qua theo chương trình của hội bà, giúp đỡ, nên tôi với vâng kính ít

đồng thô thiếu này kính mong bà  
vui lòng giúp đỡ cho người thân của  
tôi không được đoan-tụ, chúng tôi thành  
thật cảm ơn bà và quý hội rất nhiều

Bây nhiêu lời tôi kính gởi tới  
bà và quý hội, nguyện cầu ổn thên  
chức-lãnh và trả công bội-hậu cho  
cho tất cả quý-vị.

Kính thư.

Lao Võ Hoàng

T.B

nên cảm thêm  
chi tiết gì xin  
bà vui lòng cho  
tôi biết, thành thật  
cảm ơn bà.



NATIONAL OFFICE

USCC Reference # Hou-013

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP - IV #

(If Known)

1312 Massachusetts Ave, N.W. Washington, D.C. 20005

Phone: (202) 659-6646 / 6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM ( VIETNAM )

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of GALVESTON-HOUSTON

Phone (Home) \_\_\_\_\_

(Work) \_\_\_\_\_

Your Name: Mr/Mrs/Miss CAO VO HOANG  
(Family) (Middle) (Given)

Your Address

Number Street County/City State Zip

Date of Birth: 6-07-1949 Place of Birth: Nghe An Viet NamDate of Entry to U.S. 09-27-1975 From (Country or Camp) Fort Chaffee, ArkansasMy Alien Registration Number is (If Applicable): A. 22-009-680Legal Status: Parolee \_\_\_\_\_ Permanent Resident Alien x U.S. Citizen \_\_\_\_\_

My Naturalization Certificate Number is (If Applicable): \_\_\_\_\_

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP). I include a copy of my I-94 (both sides), I-551 (Permanent Resident Alien Card).

| N A M E              | SEX | DATE/PLACE OF BIRTH      | RELATION TO YOU | ADDRESS IN VIETNAM     |
|----------------------|-----|--------------------------|-----------------|------------------------|
| LE DINH LE           | M   | 11-27-1942 Nghe An VN    | Mother's        | 329 Lot J NGUYEN       |
|                      |     |                          | younger brother | THIEN THUAT APT.       |
| NGUYEN THI BACH NHAN | F.  | 12-13-1946 Nghe An VN    | Aunt            | District 3, HO         |
| LE THI KHANH DUNG    | F   | 05-01-1970 Phan Thiet VN | Sister          | CHI MINH CITY VIET NAM |
| LE DANG QUANG        | M   | 05-01-1972 ///           | Brother         | //                     |
| LE DANG KHOA         | M   | 09-11-1974 //            | Brother         | //                     |
|                      |     |                          |                 |                        |
|                      |     |                          |                 |                        |
|                      |     |                          |                 |                        |
|                      |     |                          |                 |                        |
|                      |     |                          |                 |                        |
|                      |     |                          |                 |                        |

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Hoang Vo Cao  
Your SignatureSubscribed and sworn to before me this 14th  
day of December 198 4Hoang Vo Cao  
Signature of Notary Public

Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (Revised 12/83)

HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Elected by Notary Agency, Lawyers Society of Tex.



NATIONAL OFFICE

Số USCC #

Số DDP-Bangkok-IV #

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 Massachusetts Avenue N.W.  
Washington D.C. 20005 (202) 659-6646/6647

MAU MỚI - FORM A

ĐƠN XIN ĐOÀN-TỤ GIA-ĐÌNH  
(Thân Nhân ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa-Kỳ : CAO VO HOANG

Địa Chỉ :

Tuổi của Người đứng đơn : 07--6-1949 Nơi Sinh : Nghe An Viet Nam

Ngày Người đứng đơn tới Hoa-Kỳ : 27-09-1975

Từ đâu tới (Nước nào) : VIET NAM Trại Tỵ-nạn nào Fort Chaffee Arkansas

Số Alien Registration (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh) A. 22-009-680

Số Chứng-Chỉ Nhập-Tịch Mỹ (Nếu có) :

Quy-Chế hiện tại của Người đứng đơn :

Xin đánh dấu : ☒ Tỵ-nạn ( Chưa có Quy-Chế Thường-Trú-Nhân ).  
☒ Thường-Trú-Nhân ( Đã có Thẻ Xanh ).Chú-Thích : Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Kỳ  
cũng xin điền Mẫu này và  
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những người thân nhân ghi tên dưới đây, hiện còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa-Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận đã tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như Cao-Uỷ Tỵ-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các Cơ-quan, Tổ-chức đặc-trách chương trình Đoàn Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BÀN TIẾNG ANH VÀ THỊ-THỰC CHỮ KÝ ( trên bàn tiếng Anh ).

| TÊN THÂN-NHÂN<br>— TÀI VIỆT NAM | NGÀY VÀ NƠI SINH          | LIÊN HỆ VỚI :<br>TÔI : | ĐỊA CHỈ RO RANG<br>TẠI VIỆT NAM |
|---------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------|
| LE DINH LE                      | 27-11-1942 Nghe An VN     | Cau ruot               | 329 Chung Cu                    |
| NGUYEN THI BACH NHAN            | 13-12-1946 Thua Thien VN  | Mo                     | NGUYEN THIEN THUAT              |
| LE THI KHANH DUNG               | 01-05, 1970 Phan Thiet VN | Em                     | Quan 3, TP. Ho-                 |
| LE DANG QUANG                   | 01-05-1972 Phan Thiet VN  | Em                     | Chi Minh Viet Nam               |
| LE DANG KHOA                    | 11-09-1974 Phan Thiet VN  | Em                     | nt                              |
|                                 |                           |                        | nt                              |
|                                 |                           |                        |                                 |
|                                 |                           |                        |                                 |
|                                 |                           |                        |                                 |
|                                 |                           |                        |                                 |
|                                 |                           |                        |                                 |
|                                 |                           |                        |                                 |
|                                 |                           |                        |                                 |

Người làm đơn ký tên :

Hoang Vo Cao

Ngày làm đơn : 12-14-84

# RESIDENT ALIEN

U.S. Department of Justice-Immigration and Naturalization Service

CAO, HOANG THI



NAME

070649

DOB

A22009680

ALIEN NUMBER

MEM ICB

CLASS

Hoang Cao

## ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD

PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

22009680 11 99 574 632 29803

S. NUMBER

ISS/T

CK

M 1

M 2

PARTY 1

5669 77207 59406 18149 02121

PIG

IDW 1

IDW 2

IDW 3

PARTY 2

092775 266 020 03000 5039321

ADM/AU. DATE

DOB

ISS. CODE

ROUND EX

PARTY 3

( CERTIFICATE OF RELEASED )

Pursuant the Circular number 966/BCA/TT dated May  
31, 1961 of the Interior Department.

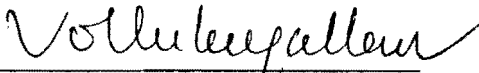
Executed the sentence and the decision number 152 on  
the date 30th day of October, 1971 of the Interior Department.

ISSUING THE CERTIFICATE OF RELEASED

|                               |                                                                             |                     |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| Full name                     | LE DINH LE                                                                  |                     |
| Other name                    | ///                                                                         |                     |
| Date of birth                 | 1942                                                                        |                     |
| Place of Birth                | Vinh Long, Nghe An                                                          |                     |
| Residence before arrested     | 329 Nguyen Thien Thuat, Saigon 3                                            |                     |
| Criminal                      | Lieutenant of Personnel Depart.                                             |                     |
| Date of arrested              | 6/1975                                                                      |                     |
| Present address               | 329 Lot J, Nguyen Thien Thuat,<br>District 3, Ho Chi Minh City<br>Viet Nam. |                     |
| The time of confining         | 12 months.                                                                  |                     |
| Fingerprints<br>of LE DINH LE | Full name and signature<br>of Receiver                                      | Dated Nov. 15, 1980 |
| File No. 6711                 | Signed illegibly                                                            | Manager of          |
| Made at Tan Hiep              | LE DINH LE                                                                  | REEDUCATION CAMP    |
|                               |                                                                             | Signed with stamp   |
|                               |                                                                             | PHAM NGOC DUONG     |

Number. 735/SY/P1  
Certified true copy at  
People's Committee Office  
of Group I, District 3.  
Dated July 16, 1983  
For People's Committee  
of Group I, District 3  
Signed with stamp.  
NGUYEN THI NGOC VAN

I certify that this is a correct translation from the Vietnamese  
language into English.

  
TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of December, 1984  
at Harris County, Texas.

  
HOAN MANH NGUYEN  
NOTARY PUBLIC

HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Printed in Harris County, Texas State Capital



BỘ NỘI VỤ  
Trại: ĐAN (Yên)  
Số: 949 GRT

CONG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001  
QLTG, ban hành  
Theo công văn  
số 2565 ngày  
21 tháng 11/72

Số: 

|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
|---|---|---|---|---|

X GIẤY RA TẮM

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ nội Vụ;  
Thi hành án văn, quyết định tha số: 152 ngày 01 tháng 11  
năm 1972 của ỦY BAN QUẢN LÝ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Đình Lễ

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày  tháng  năm 1948

Nơi sinh Thị trấn Long (Nghệ An)

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 829 Lộ Nguyễn

Thị trấn Thuận Hải (Gai Gòn 3)

Can tội: Trùng phạm quân sự

Bị bắt ngày: 11/1/72 tại Đ. 15 An phát 1/1/72

Theo quyết định, án văn số  Ngày  tháng  năm  của

Đã bị tăng án  lần, cộng thành  năm

Đã được giảm án  lần, cộng thành  tháng

Nay về cư trú tại 829 Lộ Nguyễn Thị trấn Thuận Hải (Gai Gòn 3) Đ. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Là: tay gọn trở phải  
Của Lê Đình Lễ  
Danh bản số 949  
Lập tại Tên trên

Ho tên chữ ký  
Người được cấp giấy

Lê Đình Lễ  
Lê Đình Lễ

11/ ngày 15 tháng 11 năm 1972  
Gián thị

Nguyễn Văn  
Nguyễn Văn

Xác nhận đhs có đến trình  
chợ tại CP phường 1 Chucho

Ngày 17.11.80

T.M. Công An 17.1

17/11

Đã trình báo tại CAD 3

ngày 1/12/80

Chức vụ

Xác nhận

ANH LÊ MINH LÊ đến ban QL NHTCTDV  
trình báo ngày 18/12/1980. Thời gian quản  
chế 12 tháng kể từ ngày đến trình báo.

TP. Hồ Chí Minh ngày 18/12/1980

TL. Trưởng ban QL NHTCTDV

Nguyễn Văn Khuê

REPUBLIC OF VIET NAM  
BINH THUAN PROVINCE\*  
HAM THUAN DISTRICT  
PHAN THIET VILLAGE\*  
Serial No. 1170

(=) EXTRACT FROM THE

JUDGMENT IN LIEU OF

Birth \* \* \* Certificate

Made on date 11th day of May, 1970

|                        |                      |
|------------------------|----------------------|
| Full name of the child | LE THI KHANH DUNG    |
| Sex                    | Female               |
| Date of birth          | May 01, 1970         |
| Place of birth         | Phan Thiet City      |
| Father's name          | LE DINH LE           |
| Mother's name          | NGUYEN THI BACH NHAN |
| Civil status of mother | Legitiamte wife      |
| Declarer's name        | LE DINH LE           |

Extract from the original  
Phan Thiet, dated December 28, 1973  
Chief of village or civil status clerk  
Signed with stamp  
NGUYEN THANH HAI

Unnotarized  
Civil status Clerk  
Pursuant the circular  
No. 4366/BNV/HC of  
Interior Department  
August 03, 1970

I certify that this is a correct translation from  
the Vietnamese language into English.

*Vo Thi Tuyet Lan*  
TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of  
December, 1984 at Harris County, Texas.

*Hoan Manh Nguyen*  
HOAN MANH NGUYEN  
NOTARY PUBLIC  
HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Printed by: Agent, American Surety Corp.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Dinh-Thuận

QUẬN Hàm-Thuận

XÃ Phan-Thiết

SỐ HIỆU 11701

# TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 11 tháng 05 năm 19 70.

—\*—

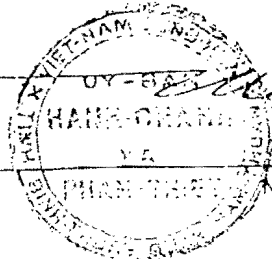
NHÂN NGOC DAN - PHAN THIET

Tên người đưa tờ : LÊ THỊ KIM - DUNG ✓  
Con trai hay con gái : Con gái ✓  
Ngày sinh : Ngày một, tháng năm, năm một ngàn chín  
trăm bảy mươi (01.05.1970)  
Nơi sinh : Xã Cầu-Thành Phan-Thiết  
Tên họ người cha : LÊ - ĐÌNH - LỄ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN THỊ BẠCH-NHẠN  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : Vợ Chánh  
Tên họ người đứng khai : LÊ-ĐÌNH-LỄ

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Phan-Thiết, ngày 28 tháng 12 năm 19 73

XÃ-TRƯỞNG KIỂM UY VIÊN HỘ TỊCH. ml



Khởi chứng theo đơn ký  
của Ủy-Viên Hộ-Tịch  
10/Thống-Tư Số 2005/B  
M/27 của Bộ Công-Án  
3-11-1970

NGUYỄN THANH HẢI

ENGLISH EXTRACT TRANSLATION OF VIETNAMESE LANGUAGE

REPUBLIC OF VIET NAM  
\*BINH THUAN PROVINCE  
HAM THUAN DISTRICT  
PHAN THIET VILLAGE  
Serial No. 1434

(=) EXTRACT FROM THE

JUDGMENT IN LIEU OF

Birth \* \* \* Certificate

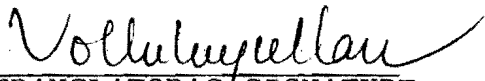
Made on date 5th day of May, 1972

|                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| Full name of the child     | LE DANG QUANG        |
| Sex                        | Male                 |
| Date of birth              | May 01, 1972         |
| Place of birth             | Phan Thiet Hospital  |
| Father's name              | LE DINH LE           |
| Mother's name              | NGUYEN THI BACH NHAN |
| Civil status of the mother | Legitimate wife      |
| Declarer's name            | LE DINH LE           |

Unnotarized  
civil status Clerk  
Pursuant the circular  
No. 4366/BNV/HC/29 of  
The Interior Department  
August.03, 1970

Extract from the original.  
Phan Thiet dated December 01, 1973  
The Chief of village or civil status Clerk  
Signed with stamp.  
NGUYEN THANH HAI

I certify that this is a correct translation from  
the Vietnamese language into English.

  
TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of  
December, 1984 at Harris County, Texas.

  
HOAN MANH NGUYEN  
NOTARY PUBLIC  
My Commission Expires June 9, 1986  
Bonded by Ignotz Agency, Lawyers Surety Corp.

TỈNH ~~Bình Thuận~~  
 QUẬN ~~Hải Thuận~~  
 XÃ ~~Phan Thiết~~  
 SỐ HIỆU ~~1434~~  
 \*

Lập ngày 05 tháng 05 năm 1972

NHA-IN NGOC - DAN PHAN-THIE

Tên họ đứa trẻ : LÊ - DẰNG - QUANG

Con trai hay con gái : Con trai

Ngày sanh : Ngày một, tháng năm, năm một ngàn  
chín trăm bảy mươi hai (01.05.1972)

Nơi sanh : BỆNH-VIỆN PHAN-THIỆT

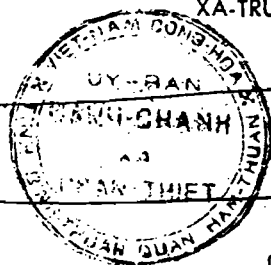
Tên họ người cha : LÊ - DÌNH - LÊ

Tên họ người mẹ : NGUYỄN-TÀI-BẠCH-NHẬN

Vợ chánh hay không có  
hôn thú : Vợ chánh

Tên họ người đứng khai : LÊ - DÌNH - LÊ

Phan - Niết, ngày 1 tháng 12 năm 1973  
XÃ-TRƯỞNG KIỂM ỦY VIÊN HỘ TỊCH



NGUYỄN THANH HẢI

**Khoài Chung Thuận Chữ Ký**  
Quê Lý-Vườn Hồ-Tích  
IC/Thư-Từ Bn 8904/SNV  
Hải Phòng-Hà Nội-Nguyễn Ngọc  
2-8-77

REPUBLIC OF VIET NAM  
BINH THUAN PROVINCE  
HAM THUAN DISTRICT  
PHAN THIET CITY  
Serial No. 2814

(=) EXTRACT FROM THE  
JUDGMENT IN LIEU OF

Birth \* \* \* Certificate

Made on the date 14th day of September, 1974

|                            |                                                                 |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Full name of the child     | LE DANG KHOA                                                    |
| Sex                        | Male                                                            |
| Date of birth              | September 11, 1974                                              |
| Place of birth             | Phan Thiet, Ham Thuan,<br>Binh Thuan                            |
| Father's name              | LE DINH LE                                                      |
| Mother's name              | NGUYEN THI BACH NHAN                                            |
| Civil status of the mother | Legitimate wife, Marriage<br>Certificate No. 66/1969<br>Thuy-N. |
| Declarer's name            | LE DINH LE                                                      |

Unnotarized

|                         |                                      |
|-------------------------|--------------------------------------|
| Civil status Clerk      | EXTRACT FROM THE ORIGINAL            |
| Pursuant the circular   | Phan Thiet, dated September 12, 1974 |
| No. 4366/BNV/HC/29      | Civil status Clerk                   |
| of the Interior Depart. | Signed with stamp                    |
| August 03, 1970         |                                      |

I certify that this is a correct translation from  
the Vietnamese language into English.



TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of  
December, 1984 at Harris County, Texas.

  
HOAN MANH NGUYEN  
NOTARY PUBLIC

HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Printed by LAM Agency, Lawyers Supply Corp.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH BÌNH THUẬN

QUẬN HẠM THUẬN

XÃ CHÂU THÀNH PHAN THIẾT

SỐ HIỆU 2814

# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 11 tháng 09 năm 1974

NHÂN NGỒI DAN - PHAN THIẾT

Tên họ đứa trẻ : LÊ ĐĂNG KHOA  
Con trai hay con gái : TRAI  
Ngày sanh : MƯỜI MỘT THÁNG CHÍN HẠM MỘT NGÀN CHÍN  
TRĂM BẢY MƯƠI BỐN. (11-09-1974)  
Nơi sanh : PHAN THIẾT, HẠM THUẬN, BÌNH THUẬN  
Tên họ người cha : LÊ ĐÌNH LỄ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHẠN  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : VỢ CHÁNH HÔN THƯ SỐ 66/1969 THUYẾT  
Tên họ người đứng khai : LÊ ĐÌNH LỄ

30 LÊ PHÍ VĨ BẢNG

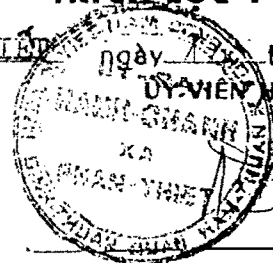


## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

PHAN-THIỆT

ngày 11 tháng 9 năm 1974

ỦY VIÊN HỘ TỊCH,



Khai chứng thực cho KQ  
Đầu Ủy-Viên Hộ-Tịch  
Thị-thống-Tư số 436/1974  
Hàng đơn công-tục ngày  
9-9-1974

HOÀNG-DANH





# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN THỊ HẠNH  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIỚI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIẾP LOWMAN  
TRẦN KIM DUNG  
TRẦN THỊ PHƯƠNG

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
1st Vice-President  
TRẦN KIM DUNG  
2nd Vice-President  
NGUYỄN VĂN GIỚI  
Secretary General  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
Deputy Secretary  
NGUYỄN THỊ HẠNH  
Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN

### MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

### HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: Lao Võ Hoàng  
Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: (số) \_\_\_\_\_ (Nhà) \_\_\_\_\_

Tên tù nhân chính trị: Lê Đình Lê  
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:  
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

cháu gái

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: \_\_\_\_\_  
Niệm liêm: ☒ (\$12.00)  
Đóng góp ủng hộ: \_\_\_\_\_ (tùy ý)

Thủ tử, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM  
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205  
TELEPHONE: 703-560-0058



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO  
NGUYỄN THỊ HẠNH  
NGUYỄN QUỲNH GIÀO  
NGUYỄN VĂN GIỚI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIEP LOWMAN  
TRẦN KIM DUNG  
TRẦN THỊ PHƯƠNG

### Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

### HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIÀO  
1st Vice-President  
TRẦN KIM DUNG  
2nd Vice-President  
NGUYỄN VĂN GIỚI  
Secretary General  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
Deputy Secretary  
NGUYỄN THỊ HẠNH  
Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIEP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi; thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: cao vũ Hoàng

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: (số) \_\_\_\_\_ (Nhà) \_\_\_\_\_

Tên tù nhân chính trị: Lê Đình Lê

Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:

(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)  
cháu gái

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: \_\_\_\_\_

Niên liêm: ☒ (\$12.00)

Đóng góp ủng hộ: \_\_\_\_\_ (tùy ý)

~~Trên đây là mẫu đơn xin gửi về:~~

Trị Thu Cao 10-83  
Hoàng Vũ Cao

1 - 2 19 8

Pay to the order of Hội tù nhân chính trị Việt Nam \$12.00  
Twelve dollars

University Savings P.O. Box 720288, Houston, Texas 77272-0288

Hoàng Cao



Lê Đình Lê



Nguyễn T. Bạch Loan



Lê Thị Khánh Dung



Lê Đăng Quang



Lê Đăng Khoa

REPUBLIC OF VIET NAM  
THUA THIEN PROVINCE  
HUONG THUY DISTRICT  
THUY AN VILLAGE  
NUMBER. 66

(=) XTRACT FROM THE

Marriage Certificate

|                          |                                     |
|--------------------------|-------------------------------------|
| Full name of the Husband | LE DINH LE                          |
| Occupation               | Military                            |
| Date of birth            | 1942                                |
| Place of birth           | Nghe An                             |
| Residence                | PO. BOX 4115                        |
| Father's name            | LE DINH SY (Deceased)               |
| Mother's name            | DANG THI BAO (Deceased)             |
| Full name of the Wife    | NGUYEN THI BACH NHAN                |
| Occupation               | Housewife                           |
| Date of birth            | December 13, 1946                   |
| Place of birth           | Phuoc My, Phu Loc, Thua Thien       |
| Residence                | An Cuu Tay, Huong Thuy, Thua-Thien. |
| Father's name            | NGUYEN VAN SUNG (Living)            |
| Mother's name            | LE THI UYEN (Living)                |
| Marriage date            | September 25, 1969                  |

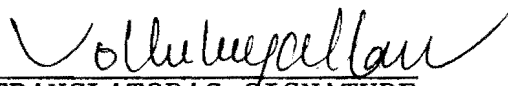
Record Divison  
office.  
Thuy An Dated  
Nov. 14, 1969  
Chief of village  
Signed with stamp

NGUYEN VAN CUC

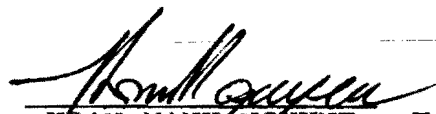
Certified true signature  
of civil status clerk of  
Thuy An village on date  
November 14, 1969.  
For The Chief of Huong Thuy  
District.  
Signed with stamp.  
NGUYEN HUU TOAN

Extract from the original.  
Thuy An dated September 25, 1969  
Civil status Clerk  
Signed NGUYEN VAN CUC

I certify that this is a correct translation from  
the Vietnamese language into English.

  
TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of  
December, 1984 at Harris County, Texas.

  
HOAN MANH NGUYEN  
NOTARY PUBLIC  
HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Signed by Agent Agent, Agent Agent

## TRÍCH - LỤC

## Chứng - thư hôn - thú

TỈNH THỪA-THIỆN  
QUẬN HƯƠNG-THỦY  
XÃ THỦY-AN  
SỐ 66

Tên họ người chồng LÊ - ĐÌNH - LÊ  
Nghề nghiệp Quân nhân  
Sinh ngày 1942

Tại Nghệ-An  
Cư sở tại K.B.C 4.115  
Tạm trú tại

Tên họ cha chồng LÊ - ĐÌNH - SỸ (c)  
(sống chết phải nói)  
Tên họ mẹ chồng ĐÌNH - THỊ - BẢO (c)  
(sống chết phải nói)  
Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHÂN  
Nghề nghiệp Nội-trợ  
Sinh ngày 13/12/1946

Tại Phước-Mỹ, Phú-Lộc, Thừa-Thiên  
Cư sở tại An-cựu-tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên  
Tạm trú tại An-cựu-Tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên  
Tên họ cha vợ NGUYỄN-VĂN-SUNG (s)  
(sống chết phải nói)  
Tên họ mẹ vợ LÊ - THỊ - UYÊN (s)  
(sống chết phải nói)  
Ngày cưới hai mươi lăm tháng chín năm một ngàn chín  
trăm sáu mươi chín (25-9-1969)  
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước  
Ngày tháng năm

NGUYỄN-VĂN-CÚC

Chứng nh. của Ủy ban Công An

Hương Thủy, ngày 14-11-69

QUẬN HƯƠNG-THỦY

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

THỦY-AN

Trích y hôn chính

THỦY-AN Ngày 25 tháng 9 năm 1969.

Viên-chức Hộ-tích.

NGUYỄN-VĂN-CÚC

Nguyễn-Huân-Tài

Extract from the original Birth Certificate at the  
Court Clerk's office of Saigon Peace Court, Dated Nov. 12, 1957

REPUBLIC OF VIET NAM  
MINISTRY OF JUSTICE  
JUDICIAL SERVICE OF  
SOUTH VIET NAM  
SAIGON PEACE COURT

SUBSTITUTE OF THE  
JUDGMENT IN LIEU OF

Birth \* \* \* Certificate

\*\*\*\*\*

LE DINH LE

In the year of One thousand Nine hundred fifty seven,  
on the date 12th day of November at 7.30am.

Before us, HUYNH KHAC DUNG, Justice of Saigon Peace  
Court, acting at our office at 115 Nguyen Hue Boulevard,  
assisted by the Court Clerk NGUYEN VAN KHUONG.

HAVE APPEARED:

- 1- TRAN QUANG LUU
- 2- PHAM THI HUAN
- 3- PHAM MANH TRI

These witnesses have declared and confirmed to know  
certainly that:

LE DANH LE, sex of male, born on 27th  
day of November, 1942 in Vinh Hoa, Nghe An, son of Mr.  
Le Dinh Sy and Mrs. Dang Thi Bao (both deceased)

And the reason he could not obtain the copies of Birth  
Certificate proceeded from the interruption of communication  
ways.

The said witnesses have confirmed as the above, therefore  
going we issue this Affidavit of Birth Certificate to him  
for legal use it. Pursuant the Article on the date 17th  
day of November, 1947 of the Prime Minister of the Provisional  
Government of South Viet Nam, the 363 Article and subsequent  
Ones of the Penal Code punishing perjury in civil status matter  
with imprisonment from 2 years to 5 years and fine from VN\$200  
to \$8,000.00 were informed to the Petitioner as well as  
the Witnesses.

The witnesses with us and the Court Clerk signed together  
after they reading the above over.

Signed illegibly  
Cost: \$5.00

Extract from the original  
Saigon dated October 11, 1960  
Head Clerk signed with stamp

I certify that this is a correct translation from the  
Vietnamese language into English.

Subscribed and sworn to before  
me this 14th day of December,  
1984 at Harris County, Texas.

  
TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

  
HOAN MANH NGUYEN  
NOTARY PUBLIC

HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Issued by Lewis Agency, Lawyers Society Corp.

BỘ TƯ-PhÁP

Số \_\_\_\_\_

SỞ TƯ-PhÁP NAM-Phần

Ngày **12** tháng **II** năm **1957**TÒA HÒA-GIẢI ĐO-THÀNH  
SAIGON

## GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

LE DINH LE

Năm một ngàn chín trăm

**57**ngày **12**tháng **II**

hồi 7 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là

**HUYNH KHAC DUNG**

Thẩm-Phán-Tòa-Hòa-Giải

Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lực-sự

**NGUYEN VAN KHUONG**

phụ-tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— **TRAN QUANG LUU**2.— **PHAM THI HUAN**3.— **PHAM MANH TRI**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

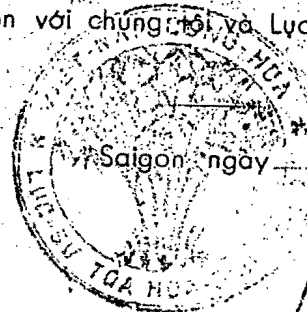
**LE DINH LE (nam)**sinh ngày **27/II/1942** tại **Vinh Hoà Nghệ An** con của**O,LE DINH SY và bà DANG THI BAO (chết cả)**Và duyên-cớ mà **duong y-**  
khai-sanh được, là vì **su giao thông gian đoạn**

không có thể xin sao-lực

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp-theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt-bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lực-sự sau khi đọc lời

Ký lên không rõ :



Lực-sao y

Saigon ngày

**II**

tháng

**10**năm **1960**

Lực-Sự.

GIÁ TIỀN : 5\$00

MINISTRY OF JUSTICE  
JUDICIAL SERVICE  
THE COURT OF FIRST  
INSTANCE OF HUE  
Serial No. 10610

REPUBLIC OF VIET NAM  
SUBSTITUTE OF THE  
JUDGMENT IN LIEU OF

BIRTH \* \* \* \* CERTIFICATE

OF NGUYEN THI BACH NHAN

In the year of One Thousand Nine Hundred fifty eight, on  
12th day of October at 9am.

Before us, NGUYEN HUU THU, Justice of the Court of First  
Instance of Hue, acting in our office at Hue, assisted by the  
Court Clerk Tran Kiem Mai.

Petitioner, Mr. NGUYEN VAN SUNG, 37 years of age, secretary,  
resides at Phat Lat An Cuu Street, identity card number 21A001081  
issued on date 23th day of September, 1955 by Huong Thuy District,  
he could obtain the Birth Certificate of Birth Certificate of  
NGUYEN THI BACH NHAN, born on 13th day of December, 1946 in Phuoc  
My village, Phu Loc District, Thua Thien Province, it has lost  
from the event of war.

Pursuant the petitioner and the witnesses's declaration for  
the establishing the Substitute of Birth Certificate as the above.

HAVE APPEARED:

1) TRUONG QUANG DIEM, 29 years of age, policeman, residence  
at Phat Lat An Cuu Street, identity card number A.0037780, issued  
on 19th day of September, 1955 by Huu Ngan District.

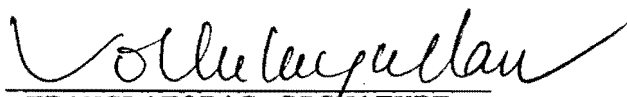
2) LE PHU, 34 years of age, soldier, residence at Phat Lat An  
Cuu Street, identity card number A. 000299, issued on 25th day of  
August, 1955 by Huong Hoa District.

3) NGUYEN HUONG, 49 years of age, farmer, residence at Trieu  
Son Tay, Huong Tra, Thua Thien, identity card number 0-90-0097  
issued on 3th day of August, 1958 by Huong Tra District.

These witnesses were reading the Article 334-357 of Penal Code  
and they declared to know certainly that NGUYEN THI BACH NHAN,  
born on 13th day of December, 1946 in Phuoc My village, Phu Loc  
District, Thua Thien Province, daughter of Mr. NGUYEN VAN SUNG  
and Mrs. LE THI UYEN both have legal marriage Certificate.

Continue page 2

I certify that this is a correct translation from the Vietnamese  
language into English.

  
TRANSLATOR'S SIGNATURE  
VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of December,  
1984 at Harris County, Texas.

  
HOAN NGUYEN  
Notary Public, State of Texas  
My Commission Expires June 9, 1986  
Bonded by Lovett Agency, Lloyds Surety Corp.



These witnesses have declared that he could not obtain the copies of Birth Certificate, it has lost from the event of war, and issue this Affidavit of Birth Certificate to:

NGUYEN THI BACH NHAN, on 13th day of December, year 1946 at Phuoc My village, Phu Loc District, Thua Thien Province, daughter of NGUYEN VAN SUNG and Mrs. LE THI UYEN.

The witnesses with us and the Court Clerk set their hands signed together.

Head Clerk

TRAN KIEM MAI

Judge

NGUYEN HUU THU

The witnesses

- 1) Truong quang Diem
- 2) Le Phu
- 3) NGUYEN HUONG

Hue dated April 12, 1971

Extract from the original

Head Clerk signed with stamp

Signed illegibly.

Visaed at Hue

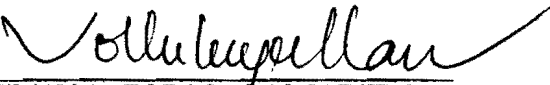
Dated December 26, 1958

Volume 27 page 95, number 11254

Chief of civil status office

Signed with stamp.

I certify that this is a correct translation from the Vietnamese language into English.

  
 TRANSLATOR'S SIGNATURE  
 VO THI TUYET LAN

Subscribed and sworn to before me this 14th day of December, 1984 at Harris County, Texas.

  
 HOAN MANH NGUYEN  
 Notary public

HOAN NGUYEN  
 Notary Public, State of Texas  
 My Commission Expires June 9, 1986  
 Bonded By Lovell Agency, Lawyers Surety Corp.

TÒA SƠ THẨM HUẾ

## Chứng-Chỉ Thê-Vì Khai-Sanh

Số 10610

của NGUYỄN - THỊ - BẠCH - NHẬN

Ngày

Năm một ngàn chín trăm năm mươi tám tháng mười hai  
ngày mười lăm tại buổi 9 giờ.Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN-HỮU-THỦ, Thẩm-Phán  
Chánh án Tòa Sơ Thẩm Huế ngồi tại Văn phòng

có Ông TRẦN-KIỆM-MAT, Lục sự giúp việc

Có Ông Bà NGUYỄN-VĂN-SUNG 37 tuổi, nghề nghiệp  
công-chức trú tại Đường Phát-Lát An-cựu.

thể kiểm tra số 21A-001081 ngày 23/9/55 do Quân

Hương-Thủy cấp, đến rình rình hiện không thể xia trích lục  
khai sinh của NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHẬN sanh ngày 13tháng 12 năm 1946 tại làng Phước-Mỹ  
Quận Phú-lộc tỉnh Thừa-thiên được vì lẽSố bộ bị thất lạc vì chiến tranh  
nên yêu cầu Bản Tòa băng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê  
sau do y dẫn đến đề lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ tịch nói trên.

## LIÊN ĐÓNG CỐ ĐẾN TRÌNH DIỆN

10) TRƯƠNG-QUANG-DIỆM, 29 tuổi, nghề Cảnh-binh  
trú tại Đường Phát-Lát - An-cựu

thể kiểm tra số A-0037780 ngày 19/9/55 do Quận CS Hương-Ngạn cấp

20) LÊ-PHU, 34 tuổi, nghề Binh-sĩ  
trú tại Đường Phát-Lát - An-cựu

thể kiểm tra số A-000299 ngày 25/8/55 do Quận Hương-hóa cấp

30) NGUYỄN-HƯƠNG, 49 tuổi, nghề làm ruộng  
trú tại Triều-Sơn-Tây, Hương-trà, Thừa-thiên

hệ kiểm tra số 0-90-0097-11 ngày 8/3/58 do Quận Hương-trà cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-357  
H. V HÌNH-LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc hộ, đồng cam đoan quả  
quyết biết chắc là NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHẬNsanh ngày mười ba tháng mười hai  
năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (13-12-1946)

tại làng Phước-Mỹ Quận Phú-lộc

tỉnh Thừa-thiên có Ông NGUYỄN-VĂN-SUNG và bà

LÊ-THỊ-HUYỀN Hai Ông bà này đã chánh thức lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện đây đang sự không thể  
xin sao lục giấy khai sanh nói trên được vì lẽ Số hộ tịch bị thất

lạc vì chiến tranh

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu  
điều 47, 48 H. V. HÌNH LUẬT, lập chứng chỉ thể vì khai sanh này cho  
tên NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHÂN sanh ngày mười ba  
tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bốn

mười sáu (13/12/1946)-

tại làng Phước-Mỹ Quận Phủ-lộc tỉnh Thừa-thiên

con ông NGUYỄN-VĂN-SUNG và bà LÊ-THỊ-UYÊN

để cấp cho đương sự theo như đơn xin SAO LỤC nói trên

Và các người chứng sẽ ký tên với chúng tôi và ông Lục-sự sau  
khi nghe đọc lại.

Lục sự, Chánh án,

TRẦN-KIỆM-MAI

NGUYỄN-HỮU-THỦ

Những người chứng: Người đứng xin;

1) TRƯƠNG-QUANG-DIỆM NGUYỄN-VĂN-SUNG

2) LÊ-PHÚ

NGUYỄN-HƯƠNG

3) TRƯỚC BÀ TẠI-HUE

Ngày 26 tháng 12 năm 1958

Quyển 27 tờ 95 số 11254

Thầu: miễn thuế

12 Th.4. 1971

TY-TRƯỞNG-TRƯỚC-BA,

TRẦN-VĂN-DẬT

ký tên và đóng dấu

SAO-Y CHANH-BẢN

PHANH LỤC-SU



Lê phi bản Sao 15 \$

Cao Vo Hoang



NOV 10 1989

Mrs. Khuc Minh Tho

P.O. Box 5435

Arlington, VA. 22205-0635



MRS. HOANG VO CAO

JAN 6 1990

KINH GUI:

BA KHUC MINH THO

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

**I. BASIC IDENTIFICATION DATA :**

- 1/ Full name of ex-P.P : **LÊ ĐÌNH LỄ** Sex : Male  
2/ Date/Place of birth : November 27th, 1942 at: **Nghệ An**  
3/ Position, rank before April 30th, 1975 :  
- Last rank : Lieutenant. Military serial number: 62/112372  
- Function : Chief of File section.  
- Military unit : Adjutant General Service (Personal Department)  
Binh Thuận Sector  
- Name of Commanding Officer: Colonel **NGÔ TẤN NGHĨA**  
4/ Month, date, year arrested : June 27th, 1975  
5/ Month, date, year out of camp: November 15th, 1980  
6/ Photocopy of my Release Certificate: Number 949/GRT from Tân Hiệp Camp  
7/ Residence address : 329 Lot J, Nguyễn Thiện Thuật, Quarter 1, District 3,  
Hồ Chí Minh City - VIỆT NAM  
8/ Mailing address : 329 Lô J, Chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường I,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - VIỆT NAM

**II. LIST OF FULL NAME, DATE/PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER MEMBERS :**

**A/ RELATIVES ACCOMPANY WITH EX-POLITICAL PRISONER FOR CONSIDERED TO THE USA :**

| <u>FULL NAME :</u>             | <u>DATE OF BIRTH</u> | <u>PLACE OF BIRTH</u> | <u>SEX</u> | <u>M/S</u> | <u>RELATIONSHIP</u> |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------|------------|------------|---------------------|
| 1. <b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b> | Dec. 13th, 1946      | Thừa Thiên            | F          | M          | Wife                |
| 2. <b>LÊ THỊ KHÁNH DUNG</b>    | May 1st, 1970        | Phan Thiết            | F          | S          | Daughter            |
| 3. <b>LÊ ĐĂNG QUANG</b>        | May 1st, 1972        | Phan Thiết            | M          | S          | Son                 |
| 4. <b>LÊ ĐĂNG KHOA</b>         | Sep. 11th, 1974      | Phan Thiết            | M          | S          | Son                 |

**B/ COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) :**

| <u>FULL NAME</u>                      | <u>LIVING/DEAD</u> | <u>A D D R E S S</u>                    |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------|
| 1. Father : <b>LÊ ĐÌNH SỸ</b>         | Dead               |                                         |
| 2. Mother : <b>ĐẶNG THỊ BẢO</b>       | Dead               |                                         |
| 3. Wife : <b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b> | Living             | 329 J, Nguyễn Thiện Thuật, Q3, HCM City |
| 4. Daughter: <b>LÊ THỊ KHÁNH DUNG</b> | Living             | -ditto-                                 |
| 5. Son : <b>LÊ ĐĂNG QUANG</b>         | Living             | -ditto-                                 |
| 6. Son : <b>LÊ ĐĂNG KHOA</b>          | Living             | -ditto-                                 |

**III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :**

1. Niece : **CAO VŨ HOÀNG**

Please see reverse side....

IV. HAVE YOU SUBMITTED APPLICATION FOR YOUR FAMILY :

- |                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| 1/ Reunification family until now ? | NO |
| 2/ Reply from ODP. Bangkok ?        | NO |
| 3/ ODP. Bangkok's LOI ?             | NO |

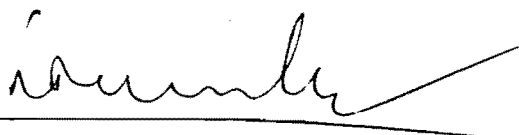
V. COMMENT, REMARK :

I have applied for Exit Permits to Vietnamese Authorities. But up to this time I haven't got result yet. Would you please grant me a "LOI", an "I.V.number" or any correspondence certifying your approval so that I can easily and quickly get Exit Permit from Vietnamese Authorities.

Looking forward to hearing from you soon, I remain,

JULY 24th, 1990

The Applicant,



LÊ ĐÌNH LỄ

VI. ENCLOSE HEREIN :

- 1 copy Release Certificate.
- 1 copy Marriage Permit (dated June 20th, 1969 when I was still warrant officer).
- 1 copy of Marriage Certificate.
- 5 copies of Birth Certificate.
- 5 copies of I.D. Card (post 1975).
- 5 photos (4x6) of each.

BO NOI VU  
Trai: Tan Hiep  
Số: 949 GRT

CONG HOA XA HAI CHU NGHIA VIET NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|

  
Mẫu số 001  
QLTG, ban hành  
Theo công văn  
số 2565 ngày  
21 tháng 11/72

X GIẤY RA TRAI

Theo tổng từ số 906-BOA/TP ngày 31/5/1961 của Bộ nội Vụ;  
Thi hành án văn, quyết định thả số: 152 ngày 30 tháng 11  
của ...

Nay cấp giấy thả cho anh ... sau đây:

Họ, tên khai sinh Le Dinh Le  
Họ, tên thường gọi ...  
Họ, tên bí danh ...

Sinh ngày ... tháng ... năm 1948

Nơi sinh Thị trấn Long An

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 899 lý: Nguyến  
Huân Huat Tai gôn 2

Cạn tội: ...

Bị bắt ngày: ... 1975 An phạt T. T. 9. T.

Theo quyết định, án văn số ... Ngày ... tháng ... năm ... của ...

Đã bị tăng án ... lần, cộng thành ... năm ...

Đã được giảm án ... lần, cộng thành ... tháng ...

Nay về cư trú tại 899 lý: Nguyến Huân Huat quận 2 TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo ...

Lăn tay ngón trở phải  
Của Le Dinh Le  
Danh bản số ...  
Lập tại ...

Ho tên chữ ký  
Người được cấp giấy

11/ ngày 15 tháng 11 năm 72  
Giám thị

Lo Anh Le

...  
Khu vực Đông



Xác nhận đã có đến trình  
chén tại CA Phường 1 Quận 10.

Ngày 17-11-80

T.M. Công An P. 1

ML

Đã trình diện tại CAQ3  
ngày 1/12/80

Chức vụ  
CAP

Xác nhận

ANH LÊ BÌNH LÊ đến Ban QL NHT CT ĐV  
trình chén ngày 18/12/1980. Chỗ gran quán  
chợ 12 tháng kể từ ngày đến trình chén.

TP. Hồ Chí Minh ngày 17/12/1980

TL Trưởng Ban QL NHT CT ĐV

Nguyễn Hoàng Khôi

BỘ NỘI VỤ  
Trại: Dân Chấn  
Số: 949 / GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001  
QLTG, ban hành  
Theo công văn  
số 2565 ngày  
21 tháng 11/72

Số: 

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|

X GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 96-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ nội Vụ;  
Thi hành án văn, quyết định thả số: 152 ngày 30 tháng 12  
năm 1971 của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy thả cho anh/chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Le Minh Tê

Họ, tên thường gọi Minh Tê

Họ, tên bí danh

Sinh ngày  tháng  năm 1948

Nơi sinh Thị trấn Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 399 lý: Nguyễn

Thị trấn Thới Bình, tỉnh Bạc Liêu

Can tội: Đang suy nghĩ trước tòa

Bị bắt ngày: 12/12/71 Án phạt 1. 1. 0. 1.

Theo quyết định, án văn số  Ngày  tháng  năm  của

Đã bị tăng án  lần, cộng thành  năm

Đã được giảm án  lần, cộng thành  năm

Nay về cư trú tại 399 lý: Nguyễn Thị trấn Thới Bình, tỉnh Bạc Liêu

Nhận xét quá trình cải tạo

Lấn tay ngón trở phải  
Của Le Minh Tê  
Danh ban số 949  
Lập tại Thị trấn Thới Bình

Họ tên chữ ký  
Người được cấp giấy

Le Minh Tê  
Lo - Xue - Lo

10/ ngày 15 tháng 11 năm 72  
Giám thị

Phạm Văn Bình  
Chức vụ: Giám thị



Xác nhận đk có đến trình  
diện tại CA Phường 1 Quận 3.

Ngày 17-11-80  
T.M. Công An 1-1

mwL

Đã trình diện tại CAQ3  
ngày 1/12/80

Chubul  
EPD

Xác nhận

ANH LÊ BÌNH LÊ đến ban QL NHTCTDV  
trình diện ngày 18/12/1980. Thời gian quản  
chế 12 tháng kể từ ngày đến trình diện.

TP Hồ Chí Minh ngày 17/12/1980

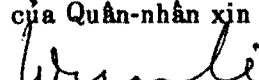
TL Trưởng ban QL NHTCTDV

Nguyễn Hoàng Khôi

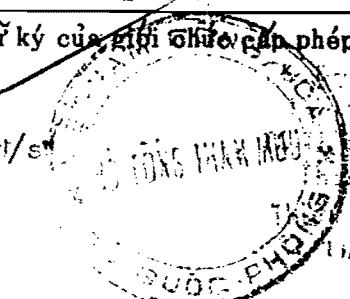
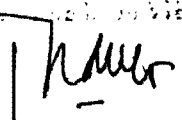
# GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

## PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                    |                                                                                                                                |                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn :<br><b>LÊ ĐÌNH LÊ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                    | 2 - Cấp bậc :<br><b>CHUẨN ỦY TB</b>                                                                                            | 3 - Số-quân :<br><b>62/112372</b>                       |
| 4 - Ngày sinh :<br><b>27-11-1942</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5 - Gia-cảnh :<br><b>Độc thân</b>  | 6 - Thành phần QLVNCH<br><b>CLQ <input checked="" type="checkbox"/> ĐPQ <input type="checkbox"/></b>                           | 7 - Đơn-vị :<br><b>ĐD. 2/445/PĐA<br/>TK. Bình Thuận</b> |
| 8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu)<br><b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                    | 9 - Nghề-nghiep :<br><b>Học sinh</b>                                                                                           |                                                         |
| 10 - Ngày sinh :<br><b>13-12-1946</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 11 - Gia-cảnh :<br><b>Độc thân</b> | 12 - Địa-chỉ : <b>26 đường Fát Lát ấp Nguyễn Trãi, Thủy An, An Cựu Tây, Huế.</b>                                               |                                                         |
| 13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) :<br><b>NGUYỄN VĂN SÙNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                    | 14 - Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) :<br><b>LÊ THỊ UYÊN</b>                                                               |                                                         |
| <b>15 - CAM KẾT :</b><br>Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) <b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b> trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.<br>(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội). |                                    |                                                                                                                                |                                                         |
| 16 - Làm tại KBC. 4524 ngày <b>27-5-1969</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                    | 18 - Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :<br> |                                                         |
| 17 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/T.T                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                    |                                                                                                                                |                                                         |

## PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 19 - Giấy phép kết hôn số : <b>8137/TTH/TQT/NSV/HTP KBC 4002</b> ngày <b>20.5.1969</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| <b>20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU - QUYỀN :</b><br>Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn :<br>- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.<br>- Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).                                                                                               |  |
| <b>21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của người cho cấp phép kết hôn :</b><br>Nơi nhận<br>- Tiểu Khu Bình Thuận KBC 4524<br>"Đề nghị tu h/s và tổng đạt đ/s"<br>- Bộ TTH/F.TQT (A.NSV - B.HTP)<br>(TT.HSCN)<br>- TL/QC/PTTP Huế<br>"Kèm h/s đề đ/t vị hôn thê"<br><br> |  |

# CHỈ DẪN

**PHẦN I.** Do quân nhân muốn lập gia-đình diên khuyệt (5 bản nếu kết hôn với thường dân và 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoàn trả để thiết lập lại.

- |                             |                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Họ tên (mục 1 và 8)       | : Ghi đúng theo khai sinh.                                                                                                                                                                  |
| - Cấp bậc (mục 2)           | : Ghi ngạch bằng chữ tắt tiếp theo cấp bậc.<br>(thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD. . .)                                                                                                    |
| - Số quân (mục 3)           | : Ghi đầy đủ số quân 8 số.                                                                                                                                                                  |
| - Gia-cảnh (mục 5 và 11)    | : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).                                                                                                                                   |
| - Thành phần QLVNCH (mục 6) | : Đánh dấu chéo (x) vào ô thích hợp.                                                                                                                                                        |
| - Nghề nghiệp (mục 9)       | : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.                                                                                                                                    |
| - Địa-chỉ (mục 12)          | : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.                                                                                                         |
| - Nơi nhận (mục 17)         | : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ-quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT. |

**PHẦN II.** Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

# GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

## PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

|                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                        |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1- Họ tên Quân nhân xin kết hôn :<br><b>LÊ ĐÌNH LÊ</b>               |                                   | 2- Cấp bậc :<br><b>CHUẨN ỦY TB</b>                                                                  | 3- Số-quân :<br><b>62/112372</b>                       |
| 4- Ngày sinh :<br><b>27-11-1942</b>                                  | 5- Gia-cảnh :<br><b>Độc thân</b>  | 6- Thành phần QLVNCH<br><b>CLQ <input checked="" type="checkbox"/> ĐPQ <input type="checkbox"/></b> | 7- Đơn-vị :<br><b>ĐĐ. 2/445/PĐA<br/>TK. Bình Thuận</b> |
| 8- Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu)<br><b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b>   |                                   | 9- Nghề-nghiep :<br><b>Học sinh</b>                                                                 |                                                        |
| 10- Ngày sinh :<br><b>13-12-1946</b>                                 | 11- Gia-cảnh :<br><b>Độc thân</b> | 12- Địa-chỉ : <b>26 đường Fát Lát, ấp Nguyễn<br/>Trãi, Thủy An, An Cựu Tây, Huế.</b>                |                                                        |
| 13- Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) :<br><b>NGUYỄN VĂN SÙNG</b> |                                   | 14- Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) :<br><b>LÊ THỊ UYÊN</b>                                     |                                                        |

### 15 - CAM KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) **NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN** trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.

(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).

16 - Làm tại KBC. 4524 ngày 27-5-1969  
17 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/TQT

18- Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :

*(Chữ ký)*

## PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19 - Giấy phép kết hôn số : **8137./TQM/TQT/NSV/HTP KBC 4002** ngày **20-10-1969**

### 20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU - QUYỀN :

Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn :

- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.
- Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).

21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn :

Nơi nhận

- Tiểu Khu Bình Thuận KBC 4524

"Để nhậ tu h/s và tổng dết d/s"

- Bộ TQM/TQT (A.NSV - B.HTP  
TT.ĐCĐN)

- TD/QC/HTP Huế

"Kèm h/s để d/t vị hôn thê"



*(Chữ ký)*

# CHỈ DẪN

**PHẦN I.** Do quân nhân muốn lập gia-đình diên khuyết (5 bản nếu kết hôn với thường dân và 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoàn trả để thiết lập lại.

- |                                         |                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Họ tên (mục 1 và 3)                   | : Ghi đúng theo khai sinh.                                                                                                                                                                  |
| - Cấp bậc (mục 2)                       | : Ghi ngạch bằng chữ tắt tiếp theo cấp bậc.                                                                                                                                                 |
| (thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD...) |                                                                                                                                                                                             |
| - Số quân (mục 3)                       | : Ghi đầy đủ số quân 8 số.                                                                                                                                                                  |
| - Gia-cảnh (mục 5 và 11)                | : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).                                                                                                                                   |
| - Thành phần QLVNCH (mục 6)             | : Đánh dấu chéo (x) vào ô thích hợp.                                                                                                                                                        |
| - Nghề nghiệp (mục 9)                   | : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.                                                                                                                                    |
| - Địa-chỉ (mục 12)                      | : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.                                                                                                         |
| - Nơi nhận (mục 17)                     | : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ-quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT. |

**PHẦN II.** Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

# TRÍCH - LỤC

## Chứng - thư hôn - thú

TỈNH THỪA-THIÊN  
QUẬN HƯƠNG-THỦY  
XÃ THỦY-AN  
SỐ 66

Tên họ người chồng LÊ - ĐÌNH - LÊ  
Nghề nghiệp Quân nhân  
Sanh ngày 1942

Tại Nghê-An  
Cư sở tại K.B.C 4.113

Tạm trú tại \_\_\_\_\_

Tên họ cha chồng LÊ - ĐÌNH - SỸ (c)

(ông cha phải nói)  
Tên họ mẹ chồng ĐẶNG - THỊ - BẢO (c)

(ông cha phải nói)  
Tên họ người vợ NGUYỄN-THI-BẠCH-NHẠN

Nghề nghiệp Nội-trợ

Sanh ngày 13/12/1946

Tại Rhước-Mỹ, Phú-Lộc, Thừa-Thiên

Cư sở tại An-cư-tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên

Tạm trú tại An-cư-Tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên

Tên họ cha vợ NGUYỄN-VAN-SUNG (s)

(ông cha phải nói)

Tên họ mẹ vợ LÊ - THỊ - HUYỀN (s)

(ông cha phải nói)

Ngày cưới hai mươi lăm tháng chín năm một ngàn chín  
trăm sáu mươi chín (25-9-1969)

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế.

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

PHỤC VỤ CÔNG AN  
HƯỚNG DẪN 14  
CHU TỊCH AN TÀI SẢN HƯNG THỦY

*Uorelue*

*Ngày 14.11.69*

*Uo an*

Trích y bản chính

THUY-AN Ngày 25 tháng 9 năm 1969.

Viên-chức Hộ-tích.



VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH THỪA-THIỆN

QUẬN HƯƠNG-THỦY

XÃ THỦY-AN

SỐ 66

# TRÍCH - LỤC

## Chứng - thư hôn - thú

Tên họ người chồng LÊ - ĐÌNH - LÊ

Nghề nghiệp Quân nhân

Sinh ngày 1942

Tại Nghê-An

Cư sở tại K.B.C 4.113

Tạm trú tại

Tên họ cha chồng LÊ - ĐÌNH - SỸ (c)

(ông cha phải nói)

Tên họ mẹ chồng ĐẶNG - THỊ - BẢO (c)

(ông cha phải nói)

Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-BẠCH-NHẬN

Nghề nghiệp Nội-trợ

Sinh ngày 13/12/1946

Tại Rhước-Mỹ, Phú-Lộc, Thừa-Thiên

Cư sở tại An-cư-tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên

Tạm trú tại An-cư-Tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên

Tên họ cha vợ NGUYỄN-VĂN-SUNG (s)

(ông cha phải nói)

Tên họ mẹ vợ LÊ - THỊ - HUYỀN (s)

(ông cha phải nói)

Ngày cưới hai mươi lăm tháng chín năm một ngàn chín  
trăm sáu mươi chín (25-9-1969)

Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước

Ngày - tháng - năm -

THUY-AN

Ngày 25 tháng 9 năm 1969.

Viết-chữ Hộ-tích.

Tách y hôn chính

U & au

30/11/69

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐO-THÀNH  
SAIGON

Số

Ngày 12 tháng II năm 1957

## GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

LE DINH IE

Năm một ngàn chín trăm 57 ngày 12 tháng II hồi 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là HUYNH KHAC DUNG Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải  
Đo-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự

NGUYEN VAN KHUONG phụ-tá

## ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— TRAN QUANG LUU

2.— PHAM THI HUAN

3.— PHAM MANH TRI

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

LE DINH IE (nam)

sinh ngày 27/II/1942 tại Vinh Hoà Nghe An con của

O.LE DINH SY và bà DANG THI BAO (chet ca)-

Và duyên-cớ mà khai-sanh được, là vì duong y-  
su giao thông gian đoạn -

không có thể xin sao-lục.

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng II năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-củi phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :

Lục-sao y,

Saigon, ngày II tháng IO năm 1960

Lục-Sự.

GIÁ TIỀN : 5\$00

BỘ TƯ-PHÁP

Số \_\_\_\_\_

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 12 tháng II năm 1957TÒA HÒA-GIẢI ĐÓ-THÀNH  
SAIGON

## GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

LE DINH LE

Năm một ngàn chín trăm 57 ngày 12 tháng II giờ 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là **HUYNH KHAC-DUNG** Thăm-Phán Tòa Hòa-Giải  
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự  
phụ-tá  
**NGUYEN VAN KHUONG**

## ĐẤ TRINH DIỆN :

- 1.— **TRAN QUANG LUU**
- 2.— **PHAM THI HUAN**
- 3.— **PHAM MANH TRI**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

LE DINH LE (nam)

sinh ngày 27/II/1942 tại Vinh Hoà Nghe An con của

O. LE DINH SY và bà DANG THI BAO (chết ca)-

Và duyên-cớ mà **duong y-**  
khai-sanh được, là vì **su giao thông gian đoạn -**

không có thể xin sao-lục.

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng II năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :

Lục-sao y,

Saigon, ngày II tháng IO năm 1960

Lục-Sự.

BỘ TƯ - PHÁP  
SỞ TƯ - PHÁP

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TÒA SO THẨM HUE

Số 10610

Ngày

# Chứng chỉ Thê-m Khai-sanh

Của NGUYEN-THI-BACH-NHAN

Năm một ngàn chín trăm nam mươi tam tháng mười hai  
ngày mười lăm hồi 9 giờ.

Trước mặt chúng tôi là NGUYEN-HUU-THU, Thẩm Phan  
Chanh-An Toa So Thẩm Huê ngồi tại Văn-phòng

có Ông TRAN-KIEM-MAI Lục-sư giúp việc.

Có NGUYEN-VAN-SUNG 37 tuổi, nghề-nghiệp  
công-chức

trú tại Duong Phat-Lat, An-cuu  
thẻ kiểm-tra số 21A-001081 ngày 23/9/55 do Quân-Huông-  
Thuy cấp, đến trình rằng hiện không thẻ xin trích lục

khai-sanh của NGUYEN-THI-BACH-NHAN sinh ngày 13  
tháng 12 năm 1946 tại làng Phuoc-Mỹ

quận Phu-lộc tỉnh Thừa-Thiên được vì lẽ

Sở bộ bị thất lạc vì chiến tranh  
nên yêu cầu Ban Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê sau,  
do ý dẫn đến đề lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ-tịch nói trên

## LIÊN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN:

1) TRUONG-QUANG-DIEM 29 tuổi, nghề Canh-binh  
trú tại Duong Phat-Lat, An-cuu  
thẻ kiểm-tra số A.003780 ngày 15/9/55  
do Quân Canh-Sat Huu-Ngan cấp.

2) LE-PHU 34 tuổi, nghề Dinh-si  
trú tại Duong Phat-Lat, An-cuu  
thẻ kiểm-tra số A.000299 ngày 25/8/55  
do Quân Huong-Hoa cấp.

3) NGUYEN-HUONG 49 tuổi, nghề làm ruộng  
trú tại Triệu-Son-Nam, Huong-tra, Thừa-Thiên  
thẻ kiểm-tra số 09D-0097 ngày 8/3/58  
do Quân Huong-tra cấp.

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337  
H.V. HÌNH-LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc hộ đồng cam đoan quá quyết  
biết chắc tên

NGUYEN-THI-BACH-NHAN  
sinh ngày mười ba tháng

năm một ngàn chín trăm bốn mươi sau (13/12/1946)

tại làng Phuoc-Mỹ con ông Phu-lộc và bà

tỉnh Thừa-Thiên Hai ông bà này từ trước trước lấy nhau

LE-THI-UYEN



Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể  
xin sao lục giấy khai-sanh nói trên được vì lẽ số hồ bi thất lạc vì chiến

tranh  
Bởi vậy Ban Tòa băng theo lời khai của các n'ân chứng và chiếu điều  
47 - 48 H.V. HỘ - LUẬT, lập chứng chỉ thế vì khai-sanh này cho  
tên NGUYEN-THI-BACH-NHAN sanh ngày muoi ba  
tháng muoi bai năm mot ngan chin tram  
bôn muoi sau (13/12/1946)  
tại làng Phuoc-Hy quận Phu-lôc tỉnh Thua-Thien  
con ông NGUYEN-VAN-SUNG và bà LE-THI-UYEN  
đề cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng sẽ ký tên với chúng tôi và ông Lục-sự sau khi  
nghe đọc lại.

Lục-Sự

Chánh Án

TRAN-KIEM-MAI

NGUYEN-HUU-THU

Những người chứng

Người đứng xin

1) TRUONG-QUANG-DIEM

NGUYEN-VAN-SUNG

2) LE-PMU

3) NGUYEN-HUONG

Trước bạ tại HUE

Ngày 26 tháng 12 năm 1958  
Quyển 27 tờ 95 số 11254  
Thầu Miễn thuế

CHU SỰ

HUE ngày 13 tháng 2 năm 1958  
SÁO-Y CHANH-BÁI  
CHÁNH LỤC-SỰ

TRAN-VAN-DAT  
ky tên đóng dấu

nhờ In Ấp 54 lệ lợi hué

lệ phí một bản Sáo 5

BỘ TƯ - PHÁP  
SỞ TƯ - PHÁP

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TÒA SO THẨM HUE  
Số 10610

Ngày

# Chứng-chỉ Thê-vì Khai-sanh

Của NGUYEN-THI-BACH-NHAN



Năm một ngàn chín trăm nam mươi tam tháng muoi hai  
ngày muoi lam hồi 9 giờ.

Trước mặt chúng tôi là NGUYEN-HUU-THU, Thẩm Phan  
Chanh-An Toa So Thẩm Huê ngôi tại Văn-phòng

có Ông TRAN-KIEM-MAI Lục-sự giúp việc.

Có NGUYEN-VAN-SUNG 37 tuổi, nghề-nghiệp  
công-chuơc trú tại Duong Phat-Lat, An-cuu

thẻ kiểm-tra số 21A-001081 ngày 23/9/55 do Quân Huong-  
Thuy cấp cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục

khai-sanh của NGUYEN-THI-BACH-NHAN sanh ngày 13  
tháng 12 năm 1946 tại làng Phuoc-Mỹ

quận Phu-lôc tỉnh Thua-Thiên được vì lẽ

Số bộ bị thất lạc vì chiến tranh  
nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê sau,  
do ý dẫn đến đề lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ-tịch nói trên

LIÊN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN:

1') TRUONG-QUANG-DIEM 29 tuổi, nghề Canh-binh  
trú tại Duong Phat-Lat, An-cuu

thẻ kiểm-tra số A.003780 ngày 15/9/55  
do Quân Canh-Sat Huu-Ngan cấp.

2') LÊ-PHU 34 tuổi, nghề Binh-sĩ  
trú tại Duong Phat-Lat, An-cuu

thẻ kiểm-tra số A.000299 ngày 25/8/55  
do Quân Huong-Hoa cấp.

3') NGUYEN-HUONG 49 tuổi, nghề làm ruộng  
trú tại Triêu-Son-Nam, Huong-tra, Thua-Thiên

thẻ kiểm-tra số 09D-0097 ngày 8/3/58  
do Quân Huong-tra cấp.

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337  
H.V. HÌNH-LUẬT phạt tội nguy chứng về việc hộ đồng cam đoan quả quyết

biết chắc tên NGUYEN-THI-BACH-NHAN tháng

sanh ngày muoi ba năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (13/12/1946)

tại làng Phuoc-Mỹ quận Phu-lôc và bà

tỉnh Thua-Thiên con ông NGUYEN-VAN-SUNG  
LÊ-THI-UYEN Hai ông bà này từ trước thực lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể  
xin sao lục giấy khai-sanh nói trên được vì lẽ số hồ bị thất lạc vì chiến

tranh  
Bởi vậy Ban Tòa bảng theo lời khai của các n'ân chứng và chiếu điều  
47-48 H.V. HỘ-LUẬT, lập chứng chỉ thể vì khai-sanh này cho  
tên NGUYEN-THI-BACH-NHAN sanh ngày muoi ba  
tháng muoi bai năm mot ngan chin tram  
bôn muoi sau (13/12/1946)  
tại làng Phuoc-Ny quận Phu-lô tỉnh Thua-Thien  
con ông NGUYEN-VAN-SUNG và bà LE-THI-UYEN  
đề cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng sẽ ký tên với chúng tôi và ông Lục-sự sau khi  
nghe đọc lại.

Lục-Sự

Chánh Án

TRAN-KIEM-MAI

NGUYEN-HUU-THU

Những người chứng

Người đứng xin

1) TRUONG-QUANG-DIEM

NGUYEN-VAN-SUNG

2) LE-PHU

3) NGUYEN-HUONG

Trước bạ tại HUE

Ngày 26 tháng 12 năm 1958  
Quyền 27 tờ 95 số 11254  
Thầu Niên thuế

CHỦ SỰ

HUE ngày 13 tháng 3 năm 1959  
SÁO-Y CHÁNH-BẢN  
CHÁNH LỤC-SỰ

TRAN-VAN-DAT  
ky tên đóng dấu

nhà in ly 54 lê lợi hué

lê phi một bản Sáo 5



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Linh-Thuan

QUẬN Hoa-Thuan

XÃ Phan-Thiết

SỐ HIỆU 1170

# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 11 tháng 05 năm 1970

NHÂN NGOC DAN - PHAN THIET

Tên họ đứa trẻ : LÊ THỊ KHÁNH - DUNG /  
Con trai hay con gái : Con gái /  
Ngày sanh : Ngày một, tháng năm, năm một ngàn chín  
trăm bảy mươi (01.05.1970) /  
Nơi sanh : Xã Châu-Thành Phan-Thiết /  
Tên họ người cha : LÊ - DŨNG - LÊ /  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN THỊ BẠCH-THẠCH /  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : Vợ chánh /  
Tên họ người đứng khai : LÊ-SINH-LÊ /

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Phan-Thiết, ngày 28 tháng 12 năm 1973

XÃ-TRƯỞNG KIỂM UY VIÊN HỘ TỊCH. [Signature]

Chứng  
Thị  
Thống  
1/7/73  
2-7-

TRUYỀN



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Dinh-Thuan

QUẬN Hoa-Thuan

XÃ Phan-Thiết

SỐ HIỆU 1170

# TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 11 tháng 05 năm 1970



NHÂN NGOC DAN - PHAN THIET

Tên họ đứa trẻ : LÊ THỊ KIM - DUNG /  
Con trai hay con gái : Con gái /  
Ngày sanh : Ngày một, tháng năm, năm một nghìn chín  
trăm bảy mươi (01.05.1970)  
Nơi sanh : Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
Tên họ người cha : LÊ - DINH - LÊ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN THỊ BẠCH - NHAN  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : Vợ chánh  
Tên họ người đứng khai : LÊ - DINH - LÊ

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Phan-Thiết, ngày 28 tháng 12 năm 1973

XÃ-TRƯỞNG KIỂM UY VIÊN HỘ TỊCH. *[Signature]*

Hội Chứng 1. 4000 kg  
Quá Mỹ-Việt 10-10-10  
1/10/73 Quố 1/10/73  
3-9-1970



TRUYỀN TÍCH (H)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Bình-Thuận

QUẬN Hàm-Thuận

XÃ Phan-Thiết

SỐ HIỆU 1434

# TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 05 tháng 05 năm 1972



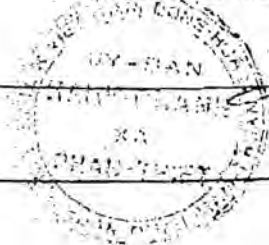
NHÂN DẠNG - DAN PHAN-THIỆT

Tên họ đứa trẻ : LÊ - ĐĂNG - QUANG  
Con trai hay con gái : Con trai  
Ngày sanh : Ngày một, tháng năm, năm một ngàn  
chín trăm bảy mươi hai (01.05.1972)  
Nơi sanh : Bệnh-Viện Phan-Thiết  
Tên họ người cha : LÊ - ĐÌNH - LỄ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN-THỊ BẠCH-NHAN  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : Vợ Chánh  
Tên họ người đứng khai : LÊ - ĐÌNH - LỄ

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Phan-Thiết, ngày 28 tháng 12 năm 1973 / KN

XÃ-TRƯỞNG KIỂM ỦY VIÊN HỘ TỊCH.



NGUYỄN-THỊ BẠCH-NHAN

Thầy Chứng Thư Ông Hộ  
Quá Ủy-Viên Hộ Tịch  
Tổ/Thống-Tư Sở 4234-2001  
Mẫu của Ủy-Viên Hộ Tịch  
2-S-1770

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Bình-Thuận  
QUẬN Hàm-Thuận  
XÃ Phan-Thiết  
SỐ HIỆU 1434

# TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 05 tháng 05 năm 1972



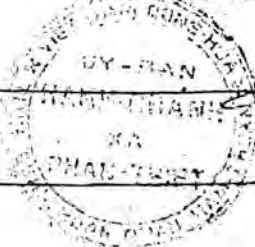
NHÂN QUỐC - DAN PHAN-THIẾT

Tên họ đứa trẻ : LÊ - ĐĂNG - QUANG  
Con trai hay con gái : Con trai  
Ngày sanh : Ngày một, tháng năm, năm một ngàn  
chín trăm bảy mươi hai (01.05.1972)  
Nơi sanh : Bệnh-Viện Phan-Thiết  
Tên họ người cha : LÊ - ĐÌNH - LỄ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN-THỊ BẠCH-NHAN  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : Vợ Chánh  
Tên họ người đứng khai : LÊ - ĐÌNH - LỄ

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Phan-Thiết, ngày 28 tháng 12 năm 1973 /KN.  
XÃ-TRƯỞNG KIỂM ỦY VIÊN HỘ TỊCH. h

Trích Chứng Thư Đẻ Hộ  
Của Ủy-Viên Hộ-Tịch  
TC/Thông-Tư Số 2258/ĐH  
HĐ/29 CỤC QUẢN-LÝ-Hộ-Tịch  
3-8-1979



NGUYỄN VĂN...

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH BÌNH - THUẬN

QUẬN HẢI - THUẬN

XÃ CHÂU - THÀNH PHAN - THIẾT

SỐ HIỆU 1814



# TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 14 tháng 09 năm 1974

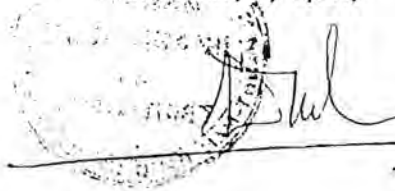
NHÂN NGOC DAN - PHAN THIET



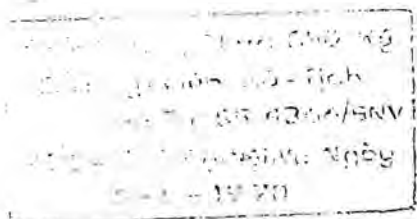
Tên họ đứa trẻ : LÊ - ĐĂNG - KHOA  
Con trai hay con gái : TRAI  
Ngày sanh : MƯỜI MỘT THÁNG CHÍN NĂM MỘT THẬP CHÍN  
TRĂM BẢY MƯƠI BỐN (11.09.1974)  
Nơi sanh : PHAN - THIẾT, HẢI - THUẬN, BÌNH - THUẬN  
Tên họ người cha : LÊ - ĐÌNH - LÊ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN - THU - BẠCH - HUÂN  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : VỢ CHÁNH HÔN THỨ SỐ 64/1969 THUY - AN  
Tên họ người đứng khai : LÊ - ĐÌNH - LÊ

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

PHAN - THIẾT ngày 14 tháng 9 năm 1974  
ỦY - VIÊN HỘ TỊCH,



CHỖ ĐÓNG CHỮ



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH BÌNH THUẬN

QUẬN HẢI THUAN

XÃ CHÂU THÀNH PHAN THIẾT

SỐ HIỆU 2814



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 14 tháng 09 năm 1974

NHÀ IN NGOC DAN - PHAN THIẾT



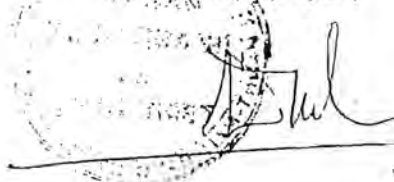
Tên họ đứa trẻ : LÊ ĐĂNG KHOA  
Con trai hay con gái : TRAI  
Ngày sanh : MƯỜI MỘT THÁNG CHÍN NĂM MỘT TRĂM CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI BỐN (11.09.1974)  
Nơi sanh : PHAN THIẾT, HẢI THUAN, BÌNH THUẬN  
Tên họ người cha : LÊ DINH LÊ  
Tên họ người mẹ : NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN  
Vợ chánh hay không có hôn thú : VỢ CHÁNH HÔN THỨ SỐ 64/1969 THUY AN  
Tên họ người đứng khai : LÊ DINH LÊ

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

PHAN THIẾT

ngày 14 tháng 9 năm 1974

ỦY VIÊN HỘ TỊCH,



CHỖ ĐÓNG CHẤM



QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

**I. BASIC IDENTIFICATION DATA :**

- 1/ Full name of ex-P.P : **LÊ ĐÌNH LÊ** Sex : Male  
2/ Date/Place of birth : November 27th, 1942 at: **Nghệ An**  
3/ Position, rank before April 30th, 1975 :  
- Last rank : Lieutenant. Military serial number: 62/112372  
- Function : Chief of File section.  
- Military unit : Adjutant General Service (Personel Department)  
Binh Thuận Sector  
- Name of Commanding Officer: Colonel **NGÔ TÂN NGHĨA**  
4/ Month, date, year arrested : June 27th, 1975  
5/ Month, date, year out of camp: November 15th, 1980  
6/ Photocopy of my Release Certificate: Number 949/GRT from Tân Hiệp Camp  
7/ Residence address : 329 Lot J, Nguyễn Thiện Thuật, Quarter 1, District 3,  
Hồ Chí Minh City - VIỆT NAM  
8/ Mailing address : 329 Lô J, Chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường I,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - VIỆT NAM

**II. LIST OF FULL NAME, DATE/PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER MEMBERS :**

**A/ RELATIVES ACCOMPANY WITH EX-POLITICAL PRISONER FOR CONSIDERED TO THE USA :**

| <u>FULL NAME :</u>             | <u>DATE OF BIRTH</u> | <u>PLACE OF BIRTH</u> | <u>SEX</u> | <u>M/S</u> | <u>RELATIONSHIP</u> |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------|------------|------------|---------------------|
| 1. <b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b> | Dec. 13th, 1946      | Thừa Thiên            | F          | M          | Wife                |
| 2. <b>LÊ THỊ KHÁNH DUNG</b>    | May 1st, 1970        | Phan Thiết            | F          | S          | Daughter            |
| 3. <b>LÊ ĐĂNG QUANG</b>        | May 1st, 1972        | Phan Thiết            | M          | S          | Son                 |
| 4. <b>LÊ ĐĂNG KHOA</b>         | Sep. 11th, 1974      | Phan Thiết            | M          | S          | Son                 |

**B/ COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) :**

| <u>FULL NAME</u>                      | <u>LIVING/DEAD</u> | <u>A D D R E S S</u>                    |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------|
| 1. Father : <b>LÊ ĐÌNH SỸ</b>         | Dead               |                                         |
| 2. Mother : <b>ĐẶNG THỊ BẢO</b>       | Dead               |                                         |
| 3. Wife : <b>NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN</b> | Living             | 329 J, Nguyễn Thiện Thuật, Q3, HCM City |
| 4. Daughter: <b>LÊ THỊ KHÁNH DUNG</b> | Living             | -ditto-                                 |
| 5. Son : <b>LÊ ĐĂNG QUANG</b>         | Living             | -ditto-                                 |
| 6. Son : <b>LÊ ĐĂNG KHOA</b>          | Living             | -ditto-                                 |

**III, RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :**

1. Niece : **CAO VŨ HOÀNG**

Please see reverse side....

IV. HAVE YOU SUBMITTED APPLICATION FOR YOUR FAMILY :

- |                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| 1/ Reunification family until now ? | NO |
| 2/ Reply from ODP. Bangkok ?        | NO |
| 3/ ODP. Bangkok's LOI ?             | NO |

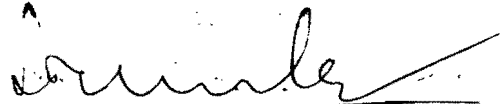
V. COMMENT, REMARK :

I have applied for Exit Permits to Vietnamese Authorities. But up to this time I haven't got result yet. Would you please grant me a "LOI", an "I.V.number" or any correspondence certifying your approval so that I can easily and quickly get Exit Permit from Vietnamese Authorities.

Looking forward to hearing from you soon, I remain,

JULY 24th, 1990

The Applicant,



LÊ ĐÌNH LỄ

VI. ENCLOSE HEREIN :

- 1 copy Release Certificate.
- 1 copy Marriage Permit (dated June 20th, 1969 when I was still warrant officer).
- 1 copy of Marriage Certificate.
- 5 copies of Birth Certificate.
- 5 copies of I.D. Cart (post 1975).
- 5 photos (4x6) of each.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 022189066

Họ tên **LÊ ĐÌNH LỄ**

Sinh ngày **27-11-1942**

Nguyên quán

**Vĩnh Long, Cửu Long**

Nơi thường trú **329 Lô J c/c Ngã-  
T-Thuật, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**





Dân tộc: ..... **Kinh** ..... Tôn giáo: ..... **Thiên Chúa**

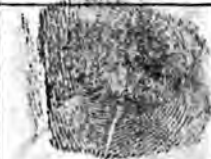
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI



Sẹo tròn 0,3cm cách  
2cm trên sụn cánh  
mũi trái.

NGÓN TRỎ PHẢI



Ngày 27 tháng 2 năm 1984

ĐIỂM GIẤM DẤU HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

*Thanh Văn*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 022189066

Họ tên **LÊ ĐÌNH LỄ**



Sinh ngày **27-11-1942**

Nguyên quán

**Vĩnh Long, Cửu Long**

Nơi thường trú **329 Lô J c/c Ngã-  
T-Thuật, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm cách  
2cm trên sụn cánh  
mũi trái.

Ngày 27 tháng 2 năm 1984

GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



*Thanh Văn*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **020522586**

Họ tên **NGUYỄN THỊ BẠCH**.....  
..... **NHẬN**.....

Sinh ngày ..... **13-12-1946**.....

Nguyên quán ..... **Bình Trị Thiên**.....

Nơi thường trú **32 CJ C/G Ng - T -**  
**Thuật, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Đeo chấm cách 1cm  
trên sau đuôi, má  
phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 2 tháng 2 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Diệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **020522586**

Họ tên **NGUYỄN THỊ BẠCH**-

**NHẬN**

Sinh ngày **13-12-1946**

Nguyên quán **Bình Trị Thiên**

Nơi thường trú **32CJ C/C Ngã-T-  
Thuật, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo chằm cách 1cm  
trên sau đuôi, mất  
rất.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 2 tháng 2 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Đàn Xuân Diễm*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **022110113**

Họ tên **LÊ THỊ KHÁNH DUNG**



Sinh ngày **01-5-1970**

Nguyên quán **Nghệ Tĩnh.**

Nơi thường trú **329 Lô J, CCƯ Ng**

**Thiện Thuật, P1, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc: ..... Kinh ..... Tôn giáo: ..... Thiên Chúa .....

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm c, 0,5 cm  
trên đuôi mắt phải

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Năm 20 tháng 10 năm 1989

THAM QUAN DOANH VIÊN TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



*Trần Văn Thế*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **022110113**

Họ tên **LÊ THỊ KHÁNH DUNG**



Sinh ngày **01-5-1970**

Nguyên quán **Nghệ Tĩnh.**

Nơi thường trú **329 Lô J, CCƯ Ng  
Thiện Thuật, P1, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: ..... Kinh ..... Tôn giáo: ..... Thiên Chúa .....

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm c, 0, 5 cm  
trên đuôi mắt phải

Năm 20 tháng 10 năm 1989

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

  
Lam Văn Chê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022494013

Họ tên: LÊ ĐĂNG QUANG

Sinh ngày: 01-5-1972

Nguyên quán: Nghệ An,  
Nghệ Tĩnh.

Nơi thường trú: 329J C/c Ngã-T-  
Thuật, P1, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: **Kinh**      Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT TIẾNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách lẹm  
dưới dưới mắt trái.

Ngày 27 tháng 4 năm 1988

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



*Châu*  
*Việt Charit*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022494013

Họ tên: LÊ ĐĂNG QUANG

Sinh ngày: 01-5-1972

Nguyên quán: Nghệ An,  
Nghệ Tĩnh.

Nơi thường trú: 329J C/c Ngã-T-  
Thuật, P1, Q3, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT MIỆNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chạm cách lcm  
dưới dưới mắt trái.

Ngày 27 tháng 4 năm 1988

THAM ĐỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



*Chau*  
*Việt Thanh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 02.2751171

Họ tên **LÊ ĐĂNG KHOA**



Sinh ngày **11-9-1974**

Nguyên quán **Nghệ An,  
Nghệ Tĩnh.**

Nơi thường trú **329 Lô J C/c Ngã  
T-Thuật, P1, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG (DẤO) DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sọc tròn 0,3 cm cách  
2 cm trên sọc cánh  
mũi trái.

NGÓN TRỎ PHẢI



Ngày 27 tháng 2 năm 1984

THAM DƯƠNG QUANG TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

*Thanh Văn*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 022751171

Họ tên **LÊ ĐĂNG KHOA**



Sinh ngày **11-9-1974**

Nguyên quán **Nghệ An,  
Nghệ Tĩnh.**

Nơi thường trú **329 Lô J C/e Ngã  
T-Thuật, P1, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: **Kinh** ..... Tôn giáo: **Thiên Chúa** .....

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI



Sẹo không rõ hình D2  
R0,4 cách 1cm trên  
sau mạp trái.

NGÓN TRỎ PHẢI



Ngày 04 tháng 12 năm 1989



GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Lên Văn Chê'.

Lên Văn Chê

From: Lê Đình Lễ<sup>2</sup>

329 Lô J chung cư Nguyễn Thiệp Thuật  
Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Viet Nam

FIRST CLASS



to: Ms Khuê-minh-Tho<sup>1</sup>

P.O. Box 5435

Arlington VA 22205-0635

AUG 12 1990